

平吳大告文 Bình Ngô¹ Đại Cáo Văn

作者：黎廌 Lê Trãi (1380—1442)

時年：戊申 Mậu Thân 1428

Bài Đại Cáo do Lê Trãi (nguyên danh: Nguyễn Trãi), một khai quốc công thần của nhà Hậu Lê, soạn thảo vào năm Mậu Thân (1428). Bản chữ Hán chép theo nguyên bản Phúc Khê in năm Mậu Thìn (1868).

Ông theo phò Bình định Vương Lê Lợi từ khi nghĩa quân Lam Sơn còn ở thế yếu trước sự đàn áp của quân Minh. Ông đã vạch ra nhiều kế sách giúp nghĩa quân Lam Sơn thu phục lòng dân và giành ưu thế trên chiến trường.

Tương truyền, ông là người nghĩ ra kế sách viết dòng chữ “黎利為君阮廌為臣 Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần” (Lê Lợi là vua, tôi thần là Nguyễn Trãi) trên lá cây, thả theo dòng nước, tạo ra như điềm trời, khẳng định về yếu tố “thiên mệnh” cho Lê Lợi, làm lòng người nhanh chóng hướng về nghĩa quân Lam Sơn. Ý kiến của Nguyễn Quân như dao hai lưỡi, đã gây nên nổi ghen tỵ, bất hoà trong đám quân thần với hậu quả khá trầm trọng.

Sau khi lên ngôi, Lê Thái Tổ đã phong thưởng cho Nguyễn Trãi là bậc cao trọng nhứt bên văn quan, ông được ban quốc tính, tức được mang họ Lê của vua (賜姓黎廌 tứ tính Lê Trãi), tước Hầu (護國冠服侯 Hộ Quốc Quan Phục Hầu) chỉ kém tước Công một bậc. Trên thực tế ông vừa là cố vấn, vừa là quân sư, nhà chính trị, tài kiêm văn võ rất thân với vua.

Chúng tôi ngắt bài cáo làm 6 đoạn để xen lời chú, thêm phần dịch nghĩa.

Nguyên bản Phúc Khê, có phóng ảnh nơi phần PHỤ LỤC. Nơi đây cũng có chép lại một số bản dịch Quốc ngữ [12].

1

代天行化皇上若曰。

仁義之舉，務在安民，

吊伐之師，必先去暴。

惟我大越之國，

實為文獻之邦。

山川之封域既殊，

南北之風俗亦異。

粵趙丁李陳之肇造我國，

與漢唐宋元而各帝一方。

雖彊弱或不同

而豪傑世未嘗乏。

故劉龔貪功而取敗，

趙高好大以趣亡。

唆都既矜於鹹子關，

烏馬又殪於白藤海。

譬諸往古，

厥有明徵。

(未完)

Đại Thiên² hành hóa Hoàng Thượng nhược viết³

Nhơn nghĩa chỉ cử, vụ tại an dân,

điều phạt chỉ sư, tất tiến khử bạo⁴.

Duy ngã Đại Việt chi quốc,

thật vi văn hiến chi bang⁵.

Sơn xuyên chi phong vực⁶ ký thù ,

Nam Bắc chi phong tục diệc dị.

Việt Triệu Đinh Lý Trần chi triệu⁷ tạo ngã quốc ,

dữ Hán Đường Tống Nguyên nhi các đế nhứt phương.

Tuy cường nhược thời hoặc bất đồng

nhi hào kiệt thế vị thường phạt⁸.

Cố Lưu Cung tham công nhi thủ bại,

Triệu Tiết hiếu đại dĩ xúc vong.

Toa Đô ký cầm ư Hàm Tử quan ,

Ô Mã hựu ế ư Bạch Đằng hải.

Kê chư vãng cổ⁹,

quyết hữu minh chinh.

(còn tiếp)

Danh Từ riêng [13] :

大越 (Đại Việt), 趙丁李陳 (Triệu Đinh Lý Trần), 漢唐宋元 (Hán Đường Tống Nguyên),

劉龔 (Lưu Cung), 趙高 (Triệu Tiết), 唆都 (Toa Đô), 鹹子關 (Hàm Tử quan), 烏馬 (Ô Mã),

白藤海口 (Bạch Đằng hải khẩu).

CHÚ THÍCH:

1. 吳 Ngô: chỉ bọn giặc Minh bên Tàu. Hồ Xuân Hương có hai câu thơ:
Chẳng phải ngô mà chẳng phải ta, Đầu thì trọc lóc áo không tà.
2. 代天 đại Thiên: 代(đại), động từ: *thay*, như “đại Thiên = thay Trời; 代表 đại biểu = người thay mặt”; 代(đại), danh từ: *đời*, như “三代 tam đại = đời thứ ba; 朝代 triều đại (hai chữ cùng nghĩa)”,
3. 若曰 *nhược* viết: *nhược* có nhiều nghĩa, ở đây *nhược viết* = có nói (phán) rằng.
4. 必先去暴 *tất tiên khử bạo* = *ắt hẳn trước lo trừ bạo*;
先(tiên, động từ) = *làm trước*.
5. Nước lớn gọi là 邦 **bang**, nước nhỏ gọi là 國 **quốc**;
Nước láng giềng gọi là 友邦 **hữu bang**.
Nước Mỹ (USA) là một bang, gồm 51 *tiểu bang* (states).
Chữ đồng âm 幫 (**bang**) = *giúp* (trợ giúp); đồng đảng (bang hội).
6. 封域 phong vực: hai chữ 封 và 域, cùng nghĩa, chỉ *bờ cõi*.
7. 趙 Triệu : nước Nam Việt của Triệu Đà (207 TCN – 111 TCN)
Trong sách *Cao Đẳng Sư Phạm* [3], chủ biên Phan Văn Các ghi : Nguyễn Trãi nhằm cho Triệu là một triều đại Việt Nam. Tuy nhiên, Nguyễn Xuân Diện ghi chép [20]:
Tại Thái Bình, có đền Đồng Xâm thờ Triệu Đà với các Hoàng Phi:
開國大帝 Khai quốc đại đế: Bậc mở nước đế vương vĩ đại
拓地餘萬里 Thập địa dư vạn lý: Mở đất hơn vạn dặm
配天配地 Phối Thiên Phối Địa: Sánh với Trời, Sánh với Đất
乃聖乃神 Nãi Thánh Nãi Thần: Bậc Thánh bậc Thần
Chữ đồng âm 肇 triệu: mới bắt đầu; như 肇禍 *triệu họa* = *gây vạ*;
肇造 *triệu tạo* = *gây nên*.
8. 未嘗乏 vị thường phạp: chưa hề thiếu.
9. 稽(kê) xem xét , 稽古(kê cổ) : xem xét việc xưa.
諸 chư [3]: *hợp âm của hai chữ 之於* ["chi ư" lời chú của Phan Văn Các] .
往(vãng) đã qua, xưa
稽諸往古(kê chư vãng cổ): xem xét các việc xưa.
Hai dị dạng 稽(kê) , 稽(kê): cách viết tuy khác nhưng thành phần cấu tạo như nhau.

DỊCH NGHĨA [12]:

Thay trời hành hoá, Hoàng thượng truyền rằng:
Việc nhơn nghĩa cốt ở yên dân
Quân điều phạt trước lo trừ bạo
Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Việt Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau
Song hào kiệt thời nào cũng có.

Cho nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại;

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong;
Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã
Việc xưa xem xét,
Chứng cứ còn ghi.

(còn tiếp)

2

頃因胡政之煩苛
致使人心之怨叛
狂明伺隙，因以毒我民
偽党懷奸，竟以賣我國
歟蒼生於虐焰
陷赤子於禍坑
欺天罔民，詭計蓋千萬狀
連兵結釁稔惡殆二十年
敗義傷仁，乾坤幾乎欲息
重科厚斂，山澤靡有孑遺
開金場則冒嵐障而斧山淘沙
採明珠則觸蛟龍而經腰余海
擾民設玄鹿之陷阱
殄物織翠禽之網羅
昆虫草木皆不得以遂其生
鰥寡顛連俱不獲以安其所
浚生靈之血以潤桀黠之吻牙
極土木之功以崇公私之靡宇
州里之征徭重困
閭閻之杼柚皆空
決東海之波不足以濯其污
罄南山之竹不足以書其惡
神人之所共憤
天地之所不容
(未完)

Khoảnh nhân Hồ chánh chi phiền hà¹⁰
Chí sử nhờn tâm chi oán bạn¹¹
Cuồng minh tứ khích¹², nhân dĩ độc ngã dân ;
Ngụy đảng hoài gian, cánh dĩ mại ngã quốc
Hân thương sanh¹³ ư ngược diễm,
hãm xích tử¹⁴ ư họa khanh
Khi thiên võng dân¹⁵, quỷ kế cái thiên vạn trạng;
Liên binh kết hán nhảm ác đãi nhị thập niên
Bại nghĩa thương nhờn, kiên khôn kỷ hồ dục tức;
Trọng khoa hậu liễm¹⁶, sơn trạch mỹ hữu kiết di¹⁷.
Khai kim tràng tác, mạo lam chương nhi phủ san đào sa,
thải minh châu tác xúc giao long nhi căng yêu thộn hải¹⁸.
Nhiều dân thiết huyền lộc chi hãm tịnh¹⁹,
diễn vật chức thúy cầm chi võng la.
Côn trùng thảo mộc giai bất đắc dĩ toại kỳ sanh,
quan quả điền liên câu bất hoạch dĩ an kỳ sở.
Tuần sanh linh chi huyết dĩ nhuận kiệt hiệt chi vãn nha;
Cực thổ mộc chi công dĩ sùng công tư chi giải vũ
Châu lý chi chinh dao trọng khốn,
Lư diễm chi trữ dữu giai không
Quyết Đông Hải chi ba bất túc dĩ trạc kỳ ô ,
Khánh Nam Sơn chi trúc bất túc dĩ thư kỳ ác
Thần nhờn chi sở cộng phẫn ,
Thiên địa chi sở bất dung.
còn tiếp)

Danh Từ riêng [13] :

胡(Hồ) (1400-1407), 東海(Đông Hải), 南山(Nam Sơn).

CHÚ THÍCH:

10. 煩苛 phiền hà: Phiền = quấy nhiễu; hà = nghiệt ác.
11. 怨叛 oán bạn: oán = oán giận; bạn = làm phản; lìa bỏ.
12. 伺隙 tứ khích: tứ = dò xét; khích = chỗ sơ hở.
13. 歟蒼生 hân thương sanh: hân = thui, nướng; thương sanh = dân đen.
14. 陷赤子 hãm xích tử; hãm = hỏ bẫy, hãm hại; xích tử = con đỏ.
15. 欺天罔民 khi thiên võng dân = dối trời lừa dân; 欺天 khi thiên = dối trời, 罔民 võng dân = lừa dân.

16. 重科厚斂 trọng khoa hậu liễm = thuế má nặng nề
17. 靡有孑遺 mỹ hữu kiết di = chẳng còn một ai
[孑 (5B51) kiết = đơn chiếc; 子 (5B50) Tử = con; con trai (nam tử) hay gái (nữ tử) đều gọi là tử. Nhà thầy, đàn ông nào có đức hạnh, học vấn đều gọi là tử cả. Như **Khổng Tử** 孔子] v.v.
18. 余海 thộn hải = bị đẩy xuống biển
余 (thộn = xói đi): Nôm đọc “mấy” như các chữ 余, 余 chưa có giải thích ổn thoả cho ba chữ này.
19. 陷阱 hãm tịnh = hàm hố.
1. Vui lấp mắt. Bị vui lấp vào trong đất gọi là hãm. Nguyễn Trãi 阮鴈 : Hân thương sinh ư ngược diễm, Hãm xích tử ư họa khanh 歟蒼生於虐焰, 陷赤子於禍坑 Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, Vui con đỏ xuống dưới hàm tai vạ (Bình Ngô đại cáo 平吳大誥).
 2. Hãm tịnh 陷阱 cạm hố. Người đi săn đào hố lừa các giống thú sa xuống đáy không lên được nữa, rồi bị bắt sống lấy gọi là hãm tịnh.
 3. Hãm hại. Như dẫn dụ cho người phạm tội gọi là cấu hãm 構陷, đặt lời buộc cho người mắc tội gọi là vu hãm 誣陷.

DỊCH NGHĨA [12]:

Vừa rồi:
 Nhơn họ Hồ chính sự phiến hà
 Đẻ trong nước lòng dân oán hận
 Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa
 Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
 Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
 Vui con đỏ xuống dưới hàm tai vạ
 Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
 Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
 Bại nhơn nghĩa nát cả đất trời.
 Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
 Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc,
 ngán thay cá mập thuồng luồng.
 Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,
 khốn nỗi rừng sâu nước độc.
 Vét sản vật, bắt dò chim sả, chốn chốn lưới chăng.
 Nhiều nhơn dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
 Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
 Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
 Thằng há miệng, đứa nhe răng,
 máu mỡ bấy no nê chưa chán,
 Nay xây nhà, mai đắp đất,
 chân tay nào phục dịch cho vừa?
 Nặng nề những nỗi phu phen
 Tan tác cả nghề canh cửi.
 Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
 Dơ bẩn thay, sông nước Đông Hải không rửa sạch mùi !
 Lẽ nào trời đất dung tha?
 Ai bảo thần nhơn chịu được?

3

予

奮迹藍山，
棲身荒野。
念世豈可共戴，
誓逆賊難與俱生。
痛心疾首者垂十餘年，
嘗腑臥薪者蓋非一日。
髮憤忘食，
每研談韜畧之書，
即古驗今，
細推究興亡之理。
圖回之志
寤寐不忘。
當義兵初起之朝，
正賊勢方張之日。

奈以：

人才秋葉，
俊桀晨星。
奔走後先者既乏其人，
謀謨帷幄者又寡其助。
特以救民之念，
每鬱鬱而欲東；
故於待賢之車，
常汲汲而虛左。

然其

得人之效茫若望洋，
由己之心甚於拯溺。
憤凶徒之未殄，
念國步之猶屯。
靈山之食盡兼旬，
瑰縣之眾無一旅。
(未完)

Dư:

Phấn tích²⁰ Lam Sơn,
Thê thân²¹ hoang dã.
Niệm thế thù khởi khả cộng đái,
Thệ nghịch tặc nan dữ câu sinh.
Thống tâm tật thủ giả thù thập dư niên,
Thường phủ ngọa tân giả cái phi nhứt nhứt.
Phát phần vong thực,
mỗi nghiên đàm thao lược chi thư,
Tức cổ nghiệm kim,
tế suy cứu hưng vong chi lý.
Đồ hồi chi chí
Ngụ mị²² bất vong.
Đương nghĩa kỳ sơ khởi chi thì,
Chính tặc thế phương trương chi nhứt.

Nại dĩ:

Nhơn tài thu diệp,
Tuấn kiệt thần tinh.²⁴
Bôn tẩu hậu tiên giả ký pháp kỳ nhơn,
Mưu mô duy ác giả hựu quả kỳ trợ.
Đặc dĩ cứu dân chi niệm,
mỗi uất uất²³ nhi dực đông²⁵;
Cố ư đái hiên chi xa,
thường cấp cấp nhi hư tả²⁶.

Nhiên kỳ:

Đắc nhơn chi hiệu mang nhược vọng dương,
Do kỷ chi thành thậm ư chứng nịch²⁷.
Phần hung đồ chi vị diễn,
Niệm quốc bộ chi do truân.
Linh Sơn chi thực tận kiêm tuần,
Khôi Huyện chi chúng vô nhứt lữ.
(còn tiếp)

Danh Từ riêng [13] :

藍山(Lam Sơn), 靈山 (Linh Sơn), 瑰縣(Khôi Huyện)

CHÚ THÍCH:

20. 奮迹 (phấn tích) : 奮(phấn) gắng sức lên; 迹(tích) theo dấu; 奮迹(phấn tích) dấy nghĩa.

21. 棲身(thê thân): 棲(thê): đậu, nghỉ; 棲身(thê thân) nương mình.

22. 寤寐(ngụ mị): 寤(ngụ) thức dậy, 驚寤(kinh ngụ) giấc mình thức giấc; 寐(mị) ngủ say;
寤寐(ngụ mị) thức ngủ, 寤寐求之(ngụ mị cầu chi) thức ngủ mong đầy.

23. 鬱鬱(uất uất) buồn bã, bùi ngùi

鬱鬱寸懷無奈處 uất uất thốn hoài vô nại xứ (Nguyễn Trãi quy Côn Sơn) tắt lòng bùi ngùi chẳng biết làm sao.

24. 人才秋葉, 俊桀晨星 (Nhơn tài thu diệp, Tuấn kiệt thần tinh): 秋葉(thu diệp), diệp=lá, 晨星(thần tinh) thần=sáng sớm, cả hai từ chỉ sự hiếm hoi như lá mùa thu và sao buổi sáng.

25. 欲東(dục đông): động từ kép, muốn tiến về đông; Từ Lam Sơn muốn tiến về giải phóng Thăng Long.

26. 虛左(hư tả): 虛(hư) trống không: 左(tả) phía trái; Lê Lợi để trống chỗ tôn quý, bên trái, chờ hiền tài.

27. 拯溺(chứng nịch): 拯(chứng) cứu vớt, 溺(nịch) chết đuối; 甚於拯溺(thậm ư chứng nịch) hơn cứu người chết đuối.

DỊCH NGHĨA [12]:

Ta đây:

Núi Lam sơn dấy nghĩa

Chốn hoang dã nương mình

Ngầm thù lớn há đội trời chung

Căm giặc nước thề không cùng sống

Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời

Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,

Ngầm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.

Những trăn trở trong cơn mộng寐,

Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi

Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,

Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuấn kiệt như sao buổi sớm,

Nhơn tài như lá mùa thu,

Việc bôn tẩu thiếu kẻ đở đần,

Nơi duy ác hiểm người bàn bạc,

Tấm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về Đông,

Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả.

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể khơi.

Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phản vì giận quân thù ngang dọc,

Phản vì lo vận nước khó khăn,

Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,

Lúc Khôi Huyện quân không một đội.

(còn tiếp)

4

蓋天欲困我以降厥任,

故予益勵志以濟于難。

揭竿為旗,氓隸之徒四集

投醪饗士,父子之兵一心。

以弱制強,或攻人之不備;

以寡敵眾常設伏以出奇

Cái Thiên dục khốn ngã²⁸ dĩ giáng quyết nhiệm,

Có dư ích lệ chí dĩ tế vu nan.

Yết can vi kỳ²⁹, manh lệ chi đồ tứ tập;

Đầu giao³⁰ hưởng sĩ, phụ tử chi binh³¹ nhứt tâm.

Dĩ nhược chế cường³², hoặc công nhơn chi bất bị;

Dĩ quả địch chúng³² thường thiết phục dĩ xuất kỳ.

卒能

以大義而勝凶殘，
以至仁而易強暴。
蒲藤之雷驅電掣，
茶麟之竹破灰飛。
士氣以之益增，
軍聲以之大振。
陳智山壽之徒聞風而褫魄，
方政李安之輩喘息以偷生。
乘勝長驅，
西京既為我有；
選鋒進取，
東都盡復舊疆。
寧橋之血成川，
流腥萬里；
宰洞之屍積野，
遺臭千年。
陳洽賊之腹心，
既梟其首；
李亮賊之奸蠹，
又殄厥身。
王通理亂而焚者益焚，
馬騏救鬪而怒者益怒。
彼智窮而力盡，
束手待亡；
我謀伐而心攻，
不戰自屈。
(未完)

Tuất năng³³:

Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn,
Dĩ chí nhơn nhi dị cường bạo.
Bồ Đằng chi lôi khu điện xé,
Trà Lân chi trúc phá hôi phi.
Sĩ khí dĩ chi ích tăng,
Quân thanh dĩ chi đại chấn.
Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ văn phong nhi sỉ phách,
Phương Chính, Lý An chi bối chuyển tức dĩ thâu sinh.
Thừa thắng trường khu,
Tây Kinh ký vị ngã hữu;
Tuyển phong tiến thủ,
Đông Đô tận phục cựu cương.
Ninh Kiều chi huyết thành xuyên,
Lưu tinh vạn lý;
Tốt Động chi thi tích dã,
di xú thiên niên.
Trần Hiệp tặc chi phúc tâm³⁴,
ký kiêu kỳ thủ;
Lý Lượng tặc chi gian đồ,
hựu diễn quyết thân.
Vương Thông lý loạn nhi phản giả ích phần,
Mã Anh cứu đấu nhi nộ giả ích nộ.
Bỉ trí cùng nhi lực tận
thúc thủ đãi vong;
Ngã mưu phạt nhi tâm công,
bất chiến tự khuất.
(còn tiếp)

Danh Từ riêng [13] :

蒲藤 (Bồ Đằng), 茶麟 (Trà Lân), 陳智 (Trần Trí), 山壽 (Sơn Thọ), 方政 (Phương Chính), 李安 (Lý An),
西京 (Tây Kinh), 東都 (Đông Đô), 寧橋 (Ninh Kiều), 宰洞 (Tốt Động), 陳洽 (Trần Hiệp), 李亮 (Lý Lượng),
王通 (Vương Thông), 馬騏 (Mã Anh).

CHÚ THÍCH:

28. Nguyễn Trãi dùng 3 chữ 蓋 (cái) trong bài:

詭計蓋千萬狀 (quỷ kế cái thiên vạn trạng), động từ, bao trùm;
者蓋非一日 (giả cái phi nhật): danh từ, điều đó đâu phải một ngày;
蓋天欲困我 (cái Thiên dục khốn ngã) dùng như ngữ từ, Trời muốn làm khó ta.

29. 揭竿為旗 (yết can vi kỳ) giờ gậy tre lên làm cờ.

30. 投醪 (đầu giao): 投 (đầu) ném 醪 (giao) rượu đục, 投醪 (đầu giao) đổ rượu (xuống sông).

31. 父子之兵 (phụ tử chi binh) đội quân trên dưới một lòng như cha với con

32. 以弱制強, 以寡敵眾 (Dĩ nhược chế cường, dĩ quả địch chúng): 以(dĩ) lấy, 弱(nhược) yếu, 制(chế) 強(cường) 寡(quả) ít, 敵(địch) chống cự, 眾(chúng) nhiều; lấy yếu đánh mạnh, lấy ít chống nhiều.
33. 卒能(tuất năng): 卒(tuất) tỉnh từ, trọn; 卒(tốt) danh từ, binh lính; 能(năng) tài, 卒能(tuất năng) trọn hay.
34. 腹心(phúc tâm): 腹(phúc) bụng, 心(tâm) tim; 腹心(phúc tâm): tấm lòng.

DỊCH NGHĨA [12]:

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn
Ta gắng trí khắc phục gian nan.
Nhơn dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào.
Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.
Trọn hay:
Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhơn để thay cường bạo.
Trận Bò Đằng sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.
Sĩ khí đã hăng
Quân thanh càng mạnh.
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Phương Chính, Lý An, xoay lưng nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng đuổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại,
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm
Tụy Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
Phúc tâm quân giặc Trần Hiệp đã phải bêu đầu
Một gian kẻ thù Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy
Mã Anh cứu trận đánh mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt,
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công.
(còn tiếp)

5

謂彼必改心而易慮
豈意復作孽以速辜
執一己之見以嫁禍於他人,
貪一翫之功而貽笑於天下
遂令宣德之狡童
黷兵無厭
仍命晟升之懦將
以油救焚
丁未九月

Vị bị tất cải tâm nhi dịch lự,
khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô³⁵
chấp nhứt kỷ chi kiến dĩ giá họa ư tha nhơn,
tham nhứt thì chi công nhi di tiếu ư thiên hạ
Toại linh Tuyên Đức chi giảo đồng³⁶,
độc binh vô yếm
Nhưng mệnh Thạnh Thăng chi nọa tướng³⁷,
dĩ du cứu phần.
Đinh Vị cửu nguyệt³⁸

柳升遂引兵猶邛溫而進
本年十月
木晟又分途自雲南而來
予

前既選兵塞險以摧其鋒
予後再調兵截路以斷其食
本月十八日

柳升為我軍所攻
計墜於支棱之野
本月二十日

柳升又為我軍所敗
身死於馬鞍之山
二十五日

保定伯梁銘陣陷而喪軀
二十八日

尚書李慶計窮而刎首
我遂迎刃而解
彼自倒戈相攻

繼而四面添兵以包圍
期以十月中旬而殄滅
爰選貔貅之士

申命爪牙之臣
飲象而河水干
磨刀而山石缺

一鼓而黥剗鰐斷
再鼓而鳥散麋驚
決潰蟻於崩堤

振剛風於稿葉

都督崔聚膝行而送款
尚書黃福面縛以就擒
僵屍塞諒江諒山之途

戰血赤昌江平灘之水
風雲為之變色
日月慘以無光

其雲南兵為我軍所扼於梨花
自恫疑虛喝而先以破膽
其沐晟眾聞

柳升為我軍所敗於芹站
遂躡藉奔潰而僅得脫身
冷溝之血杵漂

江水為之嗚咽
丹舍之屍山積

Liễu Thăng toại dẫn binh do Khâu Ôn nhi tiến ,
bổn niên thập nguyệt³⁹

Mộc Thạnh hựu phân đồ tự Vân Nam nhi lai

Dư

Tiền ký tuyển binh tác hiểm dĩ tồ kỳ phong ,
dư hựu tái điều binh tiết lộ dĩ đoan kỳ thực .

bổn nguyệt thập bát nhật³⁹

Liễu Thăng vi ngã quân sở công ,
kế truy ư chi lăng chi dã ;

bổn nguyệt nhị thập nhật

Liễu Thăng hựu vi ngã quân sở bại ,
thân tử ư Mã An chi sơn

Nhị thập ngũ nhật

bảo định bá lương minh trận hãm nhi tang khu,

Nhị thập bát nhật

thượng thư Lý Khánh kế cùng nhi văn thủ⁴⁰

Ngã toại nghênh nhận nhi giải⁴¹ ,

bỉ tự đảo qua tương công .

Kế nhi tứ diện thêm binh dĩ bao vi ,

kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi diễn diệt.

Viên tuyển tỳ hựu chi sĩ ,

thân mệnh thảo nha⁴² chi thần.

Âm tượng nhi hà thủy kiên (can)⁴³ ,

ma đao nhi san thạch quyết.

Nhứt cổ nhi kinh khô ngạc đoan ,

tái cổ nhi điều tán quân kinh .

Quyết hội nghĩ ư băng đê ,

chấn cương phong ư cỏ diệp⁴⁴ .

Đô đốc Thôi Tự tất hành nhi tổng khoản ,

thượng thư Hoàng Phúc diện phược dĩ tựu cầm.

Cương thi tác Lạng Giang Lạng Sơn chi đồ ,

chiến huyết xích Xương Giang Bình Than chi thủy.

Phong vân vi chi biến sắc,

nhứt nguyệt thảm dĩ vô quang.

Kỳ Vân Nam binh vi ngã quân sở ách ư Lê Hoa ,

tự đồng nghi hư hát nhi tiên dĩ phá phủ ;

kỳ Mộc Thạnh chúng văn

Liễu Thăng vi ngã quân sở bại ư Cần Trạm

toại lạn tạ bồn hội nhi cận đắc thoát thân

Lãnh Câu chi huyết xử phiêu

giang thủy vi chi ô yết ;

Đan Xá chi thi sơn tích ,

野草為之殷紅
(未完)

dã thảo vi chi ân hồng
(còn tiếp)

Danh Từ riêng [13] :

宣德 (Tuyên Đức, 1426-1435), 晟升 (Thạnh Thắng, Mộc Thạnh và Liễu Thắng) 柳升 (Liễu Thắng), 李慶 (Lý Khánh), 邱溫 (Khâu Ôn), 崔聚 (Thôi Tụ), 黃福 (Hoàng Phúc), 諒江 (Lạng Giang), 諒山 (Lạng Sơn), 昌江 (Xương Giang), 平灘 (Bình Than), 雲南 (Vân Nam), 梨花 (Lê Hoa), 芹站 (Cần Trạm), 沐晟 (Mộc Thạnh), 冷溝 (Lãnh Câu), 丹舍 (Đan Xá).

CHÚ THÍCH:

35. 孽以速辜 (nghiệt dĩ tốc cô): 孽 (nghiệt) nhân xấu, tai họa, tội ác, 以 (dĩ) làm, chuốc lấy, 速 (tốc) mau chóng, rước, 辜 (cô) tội, phạm tội, 孽以速辜 (nghiệt dĩ tốc cô) tai họa chuốc tội gây oan.
36. 狡童 (giảo đồng): giảo=xỏ lá, giảo quyết; đồng=trẻ nhỏ; giảo đồng = thằng nhải con.
37. 懦將 (nọa tướng) tướng hèn yếu, nhút nhát.
38. 丁未 (Đinh Vị): chi thứ tám 未 (Vị) còn gọi là Mùi, 丁未 (Đinh Vị) tức năm 1427 DL
39. 本年十月 (bốn niên thập nguyệt) tháng 10 năm nay (1427).
本月十八日 (bốn nguyệt thập bát nhật) ngày 8 tháng 10
40. 計窮而刎首 (kế cùng nhi vãn thủ) hết kế nên tự tử (cắt đầu).
41. 我遂迎刃而解 (Ngã toại nghênh nhận nhi giải) ta thỏa thích, thắng như chẻ tre.
42. 爪牙 (trảo nha): 爪 (trảo) móng vuốt, 牙 (trảo nha) răng, nanh; HV: vuốt nanh, Việt: nanh vuốt.
Sap 75 (?), VC học theo Tàu cộng, đảo thứ tự trong các từ kép VNCH dùng trước kia, như “khai triển” ra “triển khai”, “giải lý” ra “lý giải” v.v.
43. 河水干 (hà thủy kiên) : 干 (can, kiên) giản thể của 乾 (càn, kiên), can = khô;
hà thủy kiên = nước sông cạn.
44. 稿葉 (cảo diệp): 稿 (cảo) tỉnh từ, khô; danh từ, rơm rạ; 葉 (diệp) lá; 稿葉 (cảo diệp) lá khô

DỊCH NGHĨA [12]:

Ngờ đâu vẫn đương mưu tính lại còn chuốc tội gây oan.

Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,

Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế:

Thằng nhải con Tuyên Đức động binh không ngừng

Đồ nhút nhát Thạnh, Thắng đem dầu chữa cháy

Đinh mùi tháng chín, Liễu Thắng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại

Năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.

Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong

Sau lại sai tướng chặn đường, tuyệt nguồn lương thực

Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thắng thất thế

Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thắng cụt đầu

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong

Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn.

Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá

Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau

Lại thêm quân bốn mặt vây thành

Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc

Sĩ tốt kén người hùng hổ

Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh
 Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
 Voi uống nước, nước sông phải cạn.
 Đánh một trận, sạch không kình ngạc
 Đánh hai trận tan tác chim muông.
 Cơn gió to trút sạch lá khô,
 Tổ kiến hồng sứt toang đê vỡ.
 Đò độc Thôi Tụ lê gỏi dâng tồ tạ tội,
 Thượng thư Hoàng Phúc trối tay để tự xin hàng.
 Lạng Giang, Lạng Sơn, thầy chất đầy đường
 Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước
 Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,
 Thảm đạm thay! Ánh nhật nguyệt phải mờ
 Bị ta chặn ở Lê Hoa, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật!
 Nghe Thăng thua ở Cần Trạm, quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
 Suối Lãnh Cầu, máu chảy thành sông, nước sông ghen ngào tiếng khóc
 Thành Đan Xá, thầy chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.

(còn tiếp)

6

两路救兵既不旋踵而俱败， 各城窮寇率相解甲以出降。 賊首成擒， 彼既掉殘卒乞憐之尾； 神武不殺， 我亦體上帝孝生之心。 參將方政，內官馬騏等， 先給船五百艘， 既渡海而猶且魂驚魄散； 總兵王通，參政馬騏， 又給馬數千匹， 已還國而益自股慄心驚。 彼既畏死貪生，而修好有誠； 余以全軍為上， 而與民得息。 非惟謀計之極其深遠， 抑亦古今之所未見聞。 社稷以之奠安， 山川以之改觀。 乾坤既否而復泰， 日月既晦而復明。 于以開萬世太平之基， 于以雪千古無窮之耻。 盖由天地祖宗之靈有	Lưỡng lộ cứu binh ký bất toàn chủng⁴⁵ nhi câu bại, Các thành cùng khẩu suất tướng giải giáp dĩ xuất hàng. Tặc thủ thành cầm, Bĩ ký trạo tàn tốt khát liên chi vĩ; Thần vũ bất sát⁴⁶, Ngã diệc thể Thượng Đế hiếu sinh chi tâm.⁴⁷ Tham chính Phương Chính, Nội quan Mã Kỳ đẳng tiên cấp thuyền ngũ bách sừ, Ký độ hải nhi do thả hồn kinh phách tán; Tổng binh Vương Thông, Tham chính Mã Anh đẳng, hựu cấp mã số thiên thất, Dĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật tâm kinh. Bĩ ký uý tử tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành; Dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dĩ dân đắc tức. Phi duy mưu kế chi cực kỳ thâm viễn, Ưc diệc cổ kim chi sở vị kiến văn. Xã tắc dĩ chi điện an, Sơn xuyên dĩ chi cải quan. Càn khôn ký dĩ nhi phục thái, Nhật nguyệt ký hồi nhi phục minh. Vu dĩ khai vạn thế thái bình chi cơ, Vu dĩ tuyết thiên cổ vô cùng chi sỉ. Cái do thiên địa tổ tông chi linh hữu
---	---

以陰相默佑而致然也！

Dĩ âm tương mặc hữu nhi trí nhiên dã

於戲！

Ô hô!

一戎大定,迄成無兢之功;

Nhứt hung đại định, hất thành vô cạnh chi công

四海永清,誕播維新之誥。

Tứ hải vĩnh thanh, đản bá duy tân chi cáo⁴⁸.

播告天下咸使聞知。

Bá cáo thiên hạ hàm sử văn tri.

(終畢)

(Hết)

Danh Từ riêng [13] :

上帝(Thượng Đế), 方政(Phương Chính), 馬騏(Mã Kỳ), 王通(Vương Thông), 馬騏(Mã Anh).

CHÚ THÍCH:

45. 旋踵(toàn chủng): 旋(toàn) trở lại, quay lại, 踵(chủng) gót chân, 旋踵(toàn chủng) quay gót

46. 神武不殺(Thần vũ bất sát) uy vũ như thần, NHƯNG không thích chém giết.

47 我亦體上帝孝生之心 Ngã diệc thể Thượng Đế hiếu sinh chi tâm.

Sau khi chiến thắng, khôi phục được giang sơn, Lê Lợi lấy đức hiếu sinh thi ân cho kẻ chiến bại, cũng là dọn nền hoà bình lâu dài cho đất nước, bằng cách:

- chẳng những tha chết cho bọn 方政 Phương Chính, 馬騏 Mã Kỳ v.v. mà lại còn cấp 500 chiếc thuyền cho chúng trở về cố quốc;
- đối với bọn 王通 Vương Thông, 馬騏 Mã Anh v.v. chúng cũng được cấp cho cả ngàn thớt ngựa để trở về Tàu..

48 四海永清,誕播維新之誥 Tứ hải vĩnh thanh, đản bá duy tân chi cáo:

維新(duy tân) đổi mới, lấy ý từ Kinh Thi, sách Đại Học có chép lại: 詩云周雖舊邦其命維新

Kinh Thi chép: Chu tuy là nước cũ, nhưng vận mệnh đổi mới.

49 播告(bá cáo) báo cho khắp nơi đều biết.

50 播告天下咸使聞知 Bá cáo thiên hạ hàm sử văn tri: 咸(hàm) khắp cả, 使(sử) khiến, 咸使聞知(hàm sử văn tri) khiến cho khắp nơi nghe biết.

DỊCH NGHĨA [12]:

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng
Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc,
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước mà vẫn tim đập chân run.
Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng
Ta lấy toàn quân là hơn, để nhơn dân nghỉ sức.
Chẳng những mưu kế kỳ diệu
Cũng là chưa thấy xưa nay
Xã tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Càn khôn bĩ rồi lại thái
Nhật nguyệt hối rồi lại minh
Ngàn năm vết nhọc nhãi sạch lâu

Muôn thuở nền thái bình vững chắc
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng đã lặng thầm phù trợ;
Than ôi!
Một cổ nhưng y chiến thắng,
Nên công oanh liệt ngàn năm
Bốn phương biển cả thanh bình,
Ban chiếu duy tân khắp chốn.
Xa gần bá cáo,
Ai nấy đều hay.

(Hết)

PHỤ LỤC
Bình Ngô Đại Cáo

1. Bản dịch của Bùi Kỳ

Tượng mảng:

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điều-phạt chỉ vì khử bạo,
Như nước Việt ta từ trước,
Vốn xưng văn-hiến đã lâu,
Sơn-hà cương-vực đã chia,
Phong-tục bắc nam cũng khác.
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc-lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng-cứ một phương,
Dẫu cường nhược có lúc khác nhau,
Song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên

Lưu Cung sợ uy mất vía,
Triệu Tiết nghe tiếng giật mình,
Cửa Hàm-tử giết tươi Toa Đô,
Sông Bạch-đăng bắt sống Ô Mã,
Xét xem cổ-tích,
Đã có minh-trưng,

Vừa rồi

Vì họ Hồ chính-sự phiên-hà,
Để trong nước nhân-dân oán bạn,
Quân cường Minh đã thừa-cơ tứ ngược,
Bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh,
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ.
Chước dối đủ muôn nghìn khoé,
Ác chứa ngót hai mươi năm.
Bại nhân-nghĩa nát cả càn-khôn,
Nặng khóa-liễm vết không sơn-trạch
Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu,
Nào hớ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim trắng,
Tàn-hại cả côn-trùng thảo-mộc,
Nheo-nhóc thay! quan quả diên liên
Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy! no-nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa,
Nặng-nề về những nỗi phu-phen,
Bắt-bớ mắt cả nghề canh-cửi.
Độc-ác thay! trúc rừng không ghi hết tội,
Dơ-bẩn thay! nước bể khôn rửa sạch mùi,
Lẽ nào trời đất tha cho,
Ai bảo thần-nhân nhịn được.

Ta đây:

Núi Lam-sơn dấy nghĩa,
Chốn hoang-dã nương mình,
Ngắm non sông căm nổi thế thù,
Thề sống chết cùng quân nghịch-tặc,
Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa,
Ném mặt nằm gai, há phải một hai sớm tối,
Quên ăn vì giận, sách lược-thao suy-xét đã tinh,
Ngắm trước đến nay, lễ hưng-phế đấn-đo càng kỹ.
Những trần-trọc trong cơn mộng-mị,
Chỉ bản-khoản một nỗi đồ hồi.
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang thịnh.

Lại ngặt vì:

Tuần-kiệt như sao buổi sớm,
Nhân-tài như lá mùa thu,
Việc bốn-tầu thiếu kẻ đỡ-đần,
Nơi duy ác hiểm người bàn-bạc.
Đôi phen vùng-vẫy, vẫn dăm-đăm con mắt dục đồng
Mấy thừa đợi chờ, luống đàng-đẵng cỗ xe hư-tả,
Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt-mù như kẻ vọng dương,
Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chửng nịch,
Phản thì giận hung-đồ ngang-dọc,
Phản thì lo quốc-bộ khó-khăn,
Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần,
Khi Khôi-huyện quân không một đội,
Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma,
Cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử.
Múa đầu gậy ngọn cờ phát-phối, ngóng vân-nghe bốn cõi đàn hồ,
Mở tiệc quân chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng-sĩ một lòng phụ-tử.
Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi,
Quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung-tàn,
Lấy chí nhân mà thay cường-bạo.
Trận Bò-đăng sấm vang sét dậy,
Miền Trà-lân trúc phá tro bay,
Sĩ-khí đã hăng,
Quân-thanh càng mạnh,
Trần Trí, Sơn Thọ, mất vía chạy tan.
Phượng Chính, Quý An tìm đường trốn-tránh.
Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc.
Lấy Đông-đô thu lại cõi xưa,
Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông,
Bến Tuy-động xác đầy ngoài nội.

Trần Hiệp đã thiệt mạng,
Lý Lương lại phơi thây.
Vương Thông hết cấp lo-lường,
Mã Anh khôn đường cứu-đỡ
Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao,
Ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất.
Tưởng nó đã thay lòng đổi dạ, biết lẽ tới lui,
Ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội-nghiệt.
Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người,
Tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dờ-duốc.
Đến nỗi đưa trẻ con như Tuyên-đức, nhảm võ không thôi.
Lại sai đồ nhút-nhát như Thạnh, Thăng đem đầu chữa cháy.
Năm Đinh-mùi tháng chín,
Liễu Thăng tự Khâu-ôn tiến sang,
Mộc Thạnh tự Vân-nam kéo đến.
Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối Bắc-quân,
Ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt đường lương-đạo.
Mười-tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lăng,
Hai-mươi, Liễu Thăng chết ở Mã-yên,
Hai-mươi-lăm, Lương Minh trận vong,
Hai-mươi-tám, Lý Khánh tự vẫn,
Lưỡi dao ta đang sắc,
Ngọn giáo giặc phải lùi,
Lại thêm quân bốn mặt vây thành
Hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc.
Sĩ-tốt ra oai tì-hồ,
Thần-thứ đủ mặt trào nha.
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận sạch không kinh-ngạc.
Đánh hai trận tan-tác chim-muông.
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hồng sứt toang đê cũ.
Thôi Tụ phải quỳ mà xin lỗi,
Hoàng Phúc tự trối để hàng.
Lạng-giang, Lạng-sơn, thầy chất đầy đồng,
Xương-giang, Bình-than, máu trôi đỏ nước.
Ghê-gớm thay! sắc phong-vân phải đổi,
Thảm-đạm thay! sáng nhật-nguyệt phải mờ.
Binh Vân-nam nghén ở Lê-hoa, sợ mà mất mặt.
Quân Mộc Thạnh tan chưng Cầm-trạm, chạy để thoát thân,
Suối máu Lãn-câu, nước sông rền-rĩ,
Thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-đìa.
Hai mặt cứu-binh, cấm đầu trốn chạy,
Các thành cùng khẩu, cời giáp xuống đầu.
Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội,
Thề lòng trời bắt sát, ta cũng mở đường hiếu sinh.
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
ra đến bể chưa thôi trống ngực,
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến Tàu còn đồ mò-hôi.

Nó đã sợ chết cầu hòa, mở lòng thú-phục,
Ta muốn toàn quân làm cốt, cả nước nghỉ-ngoi.
Thế mới là mưu-kế thật khôn,
Vả lại suốt xưa nay chưa có.

Giang-san từ đây mở mặt,
Xã-tắc từ đây vững-bền.
Nhất-nguyệt hồi mà lại minh,
Kiền-khôn bĩ mà lại thái.
Nền vạn thế xây nên chẵn-chẵn.
Thẹn nghìn thu rửa sạch lâu-lâu.
Thế là nhờ trời đất tổ-tông khôn-thiêng giúp-đỡ cho nước ta vậy.
Than ôi!

Vấy vùng một mảnh hung-y, nên công đại định.
Phẳng-lặng bốn bề thái-vũ, mở hội vĩnh-thanh,
Bá cáo xa gần,
Ngỏ cùng nghe biết.

2. Bản dịch của Trần Trọng Kim (Trích Việt Nam sử lược/Quyển I/ Phần III/ Chương XIV)

Tượng-mãng:

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương-vực đã chia, phong-tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc-lập; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng-cử một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên:

Lưu Cung sợ uy mất vía, Triệu Tiết nghe tiếng giết mình. Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô, sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã. Xét xem cổ tích, đã có minh trưng.

Vừa rồi:

Vì họ Hồ chính-sự phiền-hà, để trong nước nhân-dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ ngược, bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khốe, ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân-nghĩa, nát cả càn-khôn, nặng khoa-liễm vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu, nào hớ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim sẻ. Tàn-hại cả côn-trùng thảo-mộc; neoh-nhóc thay quan quả diên-liên. Kề há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy no-nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa. Nặng-nề về những nỗi phu-phen, bắt-bớ mắt cả nghề canh-cửi. Độc-ác thay! trúc rừng không ghi hết tội; dơ-bẩn thay ! nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần-nhân nhin được.

Ta đây:

Núi Lam-sơn dấy nghĩa, chôn hoang-dã nương mình. Ngấm non sông căm nỗi thế thù, thề sống chết cùng quân nghịch-tặc. Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược-thao suy-xét đã tinh; ngấm trước đến nay, lẽ hưng-phế đắn-đo càng kỹ. Những trần-trọc trong cơn mộng-mị, chỉ bản-khoản một nỗi đồ-hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuần-kiệt như sao buổi sớm, nhân-tài như lá mùa thu. Việc bồn-tẩu thiếu kẻ đỡ-đàn, nơi duy-ác hiếm người bàn-bạc. Đôi phen vùng-vẫy, vẫn dăm-đăm con mắt dục đông^[1]; mấy thừa đợi-chờ, luống đàng-đẵng cỗ xe hư tả^[1]. Thế mà trông người, người càng vắng-ngắt, vẫn mịt-mờ như kẻ vọng dương^[7]; thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chửng-nịch^[8]. Phần thì giận hung-

đồ ngang-dọc, phần thì lo quốc-bộ khó-khăn. Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần; khi Khôi-huyện quân không một lữ. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma; cho nên ta cố-gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phát-phối, ngóng vân-nghê bốn cõi đan hồ. Mở tiệc quân, chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng-sĩ một lòng phụ tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi; quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung-tàn, lấy chí nhân mà thay cường-bạo. Trần Bồ-đề sáng vang sét dậy, miền Trà-lân trúc phá tro bay. Sĩ-khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan; Phương Chính, Lý An tìm đường trốn-tránh. Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc, lấy Đông-đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông; bến Tuy-động xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp đã thiệt mạng, Lý Lương lại phơi thây. Vương thông hết cấp lo lường, Mã Anh khôn đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao; ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui; ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội-nghiệt. Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người; tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dơ-duốc. Đến nỗi đưa trẻ ranh như Tuyên-đức^[9], nhằm võ không thôi; lại sai đồ nhút-nhát như Thanh, Thăng, đem dầu chữa cháy. Năm đinh-mùi tháng chín, Liễu Thăng từ Khâu-ôn tiếng sang; lại năm nay tháng mười, Mộc Thạnh tự Vân-nam kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm để ngăn lối Bắc-quân; ta lại sai tướng chẹn ngang để tuyệt đường lương-đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lãng, hai mươi, Liễu Thăng chết ở Mã-yên. Hai-mươi-lăm, Lương Minh trận vong; hai-mươi-tám, Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lùi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành, hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ-tốt ra oai tì hổ, thần-thứ đủ mặt trào nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kinh-ngạc, đánh hai trận tan-tác chim-muông. Cơn gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang đê cũ. Thôi Tụ phải quì mà xin lỗi, Hoàng Phúc tự trói để ra hàng. Lạng-giang, Lạng-sơn thây chất đầy đường, Xương-giang, Bình-than máu trôi đỏ nước. Gớm-ghê thay ! sắc phong-vân cũng đổi; thảm-đạm thay ! sáng nhật-nguyệt phải mờ. Binh Vân-nam nghẽn ở Lê-hoa, sợ mà mất mặt; quân Mộc Thạnh tan churen Cần-trạm, chạy để thoát thân. Suối máu Lãng-câu, nước sông rền-rĩ; thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-đìa. Hai mặt cứu binh, cấm đầu trốn chạy; các thành cùng khầu, cởi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội; thể lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực. Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đồ mồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, ngỏ lòng thú-phục; ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ-ngơi. Thế mới là mưu-kế thật khôn, vả lại suốt xưa nay chưa có. Giang-san từ đây mở mặt, xã-tắc từ đây vững nền. Nhật-nguyệt hổi mà lại minh, càn-khôn bĩ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chẵn-chắn, then nghìn thu rửa sạch lâu-lầu. Thế là nhờ trời đất tổ-tông khôn-thiêng che-chở, giúp-đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!

Vẫy-vùng một mảng nhung-y nên công đại-định,

phẳng-lặng bốn bề thái-vũ mở hội vĩnh-thanh.

Bá-cáo xa gần, ngỏ cùng cho biết.

Phụ Chú:

Hai bản 1. & 2. chép sai:

Đinh, Lê, Lý, Trần thay vì Triệu, Đinh, Lý, Trần theo bản Phúc Khê.

3. Bản dịch của Ngô Tất Tố

Thay trời hành hoá, Hoàng thượng truyền rằng.

Từng nghe:

Việc nhơn nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo

Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau
Song hào kiệt thời nào cũng có.

Cho nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại;
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong;
Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã
Việc xưa xem xét,
Chứng cứ còn ghi.

Vừa rồi:

Nhơn họ Hồ chính sự phiền hà
Để trong nước lòng dân oán hận
Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhơn nghĩa nát cả đất trời.
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc,
ngán thay cá mập thuồng luồng.
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,
khốn nỗi rừng sâu nước độc.
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ, chốn chốn lưới chăng.
Nhiều nhơn dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đưa nhe răng,
máu mỡ bấy no nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất,
chân tay nào phục dịch cho vừa?
Nặng nề những nỗi phu phen
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi !
Lẽ nào trời đất dung tha?
Ai bảo thần dân chịu được?

Ta đây:

Núi Lam sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngầm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống

Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời
Ném mặt nằm gai, há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.
Những trần trọc trong cơn mộng mị,
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuần kiệt như sao buổi sớm,
Nghìn tài như lá mùa thu,
Việc bôn tẩu thiếu kẻ dõ dằn,
Nơi duy ác hiểm người bàn bạc,
Tấm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về Đông,
Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả.

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể khơi.
Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.
Phần vì giận quân thù ngang dọc,
Phần vì lo vận nước khó khăn,
Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
Lúc Khôi Huyện quân không một đội.
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn
Ta gắng trí khắc phục gian nan.
Nghìn dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào.
Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trợn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhỏ để thay cường bạo.
Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.
Sĩ khí đã hăng
Quân thanh càng mạnh.
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Lý An, Phương Chính, nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng đuổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại,
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm
Tuy Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
Phúc tâm quân giặc Trần Hiệp đã phải bêu đầu
Một gian kẻ thù Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy
Mã Anh cứu trận đánh mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bỏ tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt,
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công.
Ngờ đâu vẫn đương mưu tính lại còn chuốc tội gây oan.

Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế:

Thằng nhãi con Tuyên Đức động binh không ngừng
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy
Đinh mùi tháng chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại
Năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.
Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong
Sau lại sai tướng chặn đường, tuyệt nguồn lương thực
Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế
Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thăng cụt đầu
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kẻ tự vẫn.
Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau
Lại thêm quân bốn mặt vây thành
Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc
Sĩ tốt kén người hùng hổ
Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc
Đánh hai trận, tan tác chim muông.
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hồng sục toang đê vỡ.
Đồ đốc Thời Tự lê gỏi dâng tờ tạ tội,
Thượng thư Hoàng Phúc trối tay để tự xin hàng.
Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chất đầy đường
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước
Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,
Thảm đạm thay! Ánh nhật nguyệt phải mờ

Bị ta chặn ở Lê Hoa, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật!
Nghe Thăng thua ở Cần Trạm, quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
Suối Lãnh Câu, máu chảy thành sông, nước sông nghẹn ngào tiếng khóc
Thành Đan Xá, thây chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng
Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc,
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.
Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng
Ta lấy toàn quân là hơn, để nhơn dân nghỉ sức.
Chẳng những mưu kế kỳ diệu
Cũng là chưa thấy xưa nay
Xã tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Càn khôn bĩ rồi lại thái
Nhật nguyệt hối rồi lại minh

Ngàn năm vết nhục nhă sạch lâu
Muôn thuở nền thái bình vững chắc
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng đã lặng thầm phù trợ;

Than ôi!
Một cổ nhưng y chiến thắng,
Nên công oanh liệt ngàn năm
Bốn phương biển cả thanh bình,
Ban chiếu duy tân khắp chốn.

Xa gần bá cáo,
Ai nấy đều hay.

4. Bản dịch của **Nhượng Tống** (1904–1949)

Hoàng Phạm Trần được biết nhiều qua bút hiệu *Nhượng Tống* ; bút hiệu khác *Mạc Bảo Thần*.

Thay Trời giáo-hóa, Hoàng-thượng truyền rằng:

Làm việc trọng nhân vì nghĩa, cốt là yêu đám lương-dân.
Cắt quân hồi tội, cứu đời, trước phải trừ loài tàn-bạo!
Thử xét nước nhà: Đại Việt.
Vốn là xứ-sở văn-minh.
Cõi bờ của sông, núi đã chia.
Phong-tục của Bắc, Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần, đã dựng thành một nước;
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều làm chúa một phương.
Dù mạnh yếu có lúc không đều;
Nhưng hào-kiệt chưa đời nào thiếu!

Cho nên: Triệu Tiết thích lớn mà mau mất!
Lưu Cung tham công mà hóa thua!
Mã Nhi đã chết ở bể Bạch-đăng!
Toa Đô lại tù ở ải Hàm-tử!
Xét về đời trước,
Gương đã rõ ràng!

Gần đây vì họ Hồ phép ngặt, lệnh phiền;
Đến nỗi khiến dân nước lòng lìa, dạ oán.
Giặc Minh dòm-dỏ, bèn mượn thế tàn dân!
Lũ nịnh gian-tham, nỡ cam lòng bán nước!
Đẩy con đồ xuống hang tối!
Thui dân đen bằng lửa nồng!
Dối trời, lừa người, mẹo bày ra có nghìn muôn cách!
Tràn quân, gây chuyện, ác chứa lại ngót hai mươi năm!
Trái nghĩa, hại nhân, lẽ Trời Đất tường chừng tất hẳn!
Thu nhiều, lấy nặng, lợi núi, chằm, vết chẳng sót đâu!
Kẻ khai mỏ vàng thì đào non, đãi cát, mà nước độc dăm nài.
Người lấy ngọc trai thì lặn biển dấn thân mà ròng thiêng chẳng quản.
Giết-hại vật thì dệt ra lưới bắt chim trả!
Quấy rối dân thì đặt ra bẫy bắt hươu đen!
Bọn long-đông côi-cút, đều không tìm được chỗ nương thân!

Dù sâu, bọ, cỏ, cây, cũng không biết có ngày vui sống!
Béo nanh, miệng, bao phường kiệt-kiệt, rút-bòn máu-mủ sinh-linh!
Đẹp đèn-đài khắp ngã công, tư, hoài-phí công trình xây-dựng.
Nơi châu-quận, thuế-sưu nặng lắm!
Miền nhà quê khùng-củi sạch không!
Tháo biển Đông cho cạn sông, không đủ để gột hết dơ!
Chặt núi Nam cho trụi tre, không đủ để chếp hết tội!
Thần, Dân đều phải cảm giận!
Trời, Đất, lẽ nào có đúng!

Ta, cất bước núi Lam:
Nương thân nội cỏ.
Nghĩ thù nước, Trời không chung đội!
Thề giặc ngoài, thế chẳng sống đôi!
Vò đầu, nát ruột, kể đã hơn mười năm!
Ném mật, nằm chông, nào phải mới một sớm!
Quên bữa chỉ vì lòng tức-bực, sách lược-thao thường vẫn đọc, bàn.
Theo xưa mà nghiệm việc đời nay, lẽ hưng-phế kỹ-càng suy-xét.
Tắm lòng khôi-phục.
Thức, ngủ không quên!
Quân nghĩa ta mới nổi lúc đầu,
Thế giặc nó chính đương còn mạnh.

Khốn nỗi: tuần-kiệt như sao buổi sớm!
Nhân-tài như lá mùa thu!
Bên mình thua, chạy, đã thiếu tay sai;
Trong trướng tính-toan lại ít người giúp.
Nhưng sốt ruột cứu bầy dân-chúng,
thường bòn-chồn muốn đánh sang Đông;
Nên sắp xe đội bạc hiên-tài, vẫn thành-kính bỏ không phía Tây.
Thế nhưng: mờ-mịt như trông ra bể, người có thấy ai!
Vội vàng hơn vót đấm đò, ta nào nản dạ!
Giận lũ giặc chưa đến ngày tuyệt diệt!
Thương nước-nhà còn đương bước long-đong!
Cơm Linh-sơn chịu thiếu hàng tuần!
Quân Côi-huyện không còn thành đội!
Chắc trời muốn thử người để giao cho công-việc;
Nên Ta càng gắng chí, để vượt khỏi gian-nan!
Vĩ bề làm cờ, dân cày-cuốc nổi theo tứ phía!
Rượu hòa thêm nước, quân cha-con vốn dốc một lòng!
Đánh người hoặc nhân lúc hở cơ, yếu đề được mạnh!
Bày kế thường đặt quân mai phục, ít địch nổi nhiều.

Rút lại: lấy đại-nghĩa mà diệt lũ hung-tàn;
Lấy chí-nhân mà thay được phường cường-bạo.
Quân Đồ-bằng sấm vang, chớp nhoáng!
Giặc Trà-lạn nửa chẻ, tro bay!
Hăng-hái vì thế tăng thêm;
Tiếng tăm từ đó lừng-lẫy!
Lũ Trần Trí, Sơn Thọ, vĩa tan theo gió!
Bọn Lý An, Phương Chính, sống tạm từng hơi!

Thừa thắng đuổi dài, chiếm-cứ được thành Tây-kinh trước.
Kén tài tiền đánh, thu phục hết đất Đông-đô xưa!
Ninh-kiều máu chảy thành sông, tanh lây muôn dặm!
Tốt-động thầy nằm đầy nội, để thối nghìn thu!
Lý Lương là sâu mọt dân, ta đã đem phanh xác!
Trần Hiệp là tay chân quân giặc, cũng bị bêu đầu!
Vương Thông dẹp loạn mà nơi cháy lại cháy thêm.
Mã Ánh gỡ đòn mà kẻ giận càng giận dữ!
Trí đã cùn, sức đã kiệt, chúng bó tay đợi chết biết sao!
Phá bằng mưu, công bằng lòng, ta không đánh mà được là thế.
Tuồng chúng tất biết nghĩ và đổi bụng-dạ.
Nào ngờ còn gây chuyện để thêm tội-tình.
Gieo tai-vạ cho kẻ khác, chỉ chấp theo ý-kiến riêng mình.
Làm trò cười cho người đời, bởi tham được thành công chốc lát.
Xui-khiến thẳng nhãi ranh Tuyên đức, không chán dụng binh!
Bèn sai phò mã tướng khỏ Thanh, Thăng, đem dầu chữa cháy!
Tháng chín Đinh-mùi Liễu Thăng tự dẫn quân do Ôn-khâu tiến đánh.
Tháng mười năm ấy, Mộc Thạnh cũng chia ngả từ Vân-nam kéo sang.
Ta: Trước đã kén quân phục nấp nơi hiểm-yếu, đánh cho tan đội tiên-phong.
Sau lại cho kỳ-binh chặn lối đi về, cắt cho đứt đường lương-thực.
Ngày mười-tám, mắc mưu ở ải Chi-lăng, Liễu Thăng đã bị ta đánh bại!
Ngày hai-mươi, thua trận ở núi Yên-ngựa, Liễu Thăng lại bị ta chém đầu!
Ngày hai mươi lăm, Bảo-định-bá là Lương Minh, trận võ phải liều mình.
Ngày hai mươi tám, Thượng thư Tào là Lý Khánh kể cùn tự đâm cổ!
Ta đã tiến đầu được đấy!
Nó liền giở giáo đánh nhau,
Kế đó thêm quân bốn mặt để bao vây!
Hẹn đến trung tuần tháng mười là diệt hết!
Bèn sai các tướng nanh-vuốt,
Đem theo những lính hùm-beo,
Voi uống mà cạn nước sông!
Dao mà đủ lở đá núi!
Một trận mà băm kinh, chém ngạc!
Hai trận mà xấy nghé, tan đàn!
Tươi tổ kiến bằng thế nước tràn!
Rung lá khô bằng làn gió mạnh.
Đô-đốc Thôi Tự quý gối mà đưa lễ;
Thượng-thư Hoàng Phúc, trơ mặt mà nộp mình!
Xác chết đầy cả đường Lạng-sơn, Lạng-giang!
Máu chảy đỏ cả nước Bình-than, Xương-thủy!
Muôn dặm gió, mây, đổi màu ảm-đạm!
Hai vầng nhật, nguyệt, ánh-sáng lu mờ!
Quân Vân-nam bị ta chặn lối ở Lê-quan,
tự ngờ sợ, bàng-hoàng, mà vỡ cả mặt!
Bọn Mộc Thạnh bị ta đánh bại ở Cần-trạm,
tự giấy xéo, tan vỡ, chỉ thoát được thân!
Lãnh-câu máu chảy trôi chày, nước sông khóc thảm!
Đan-xá thầy chồng bằng núi, cỏ nội đẫm hồng!
Quân cứu hai đường, chưa kịp quanh chân đã vỡ!
Giặc tàn các ngả, cùng nhau cỏi giáp xin hàng!
Tướng giặc bị tù, thú sa bẫy đã vẫy đuôi xin mạng!

Oai thần không giết, Trời chí công nên mở lượng hiếu sinh!
Bọn Tham-tướng Phương Chính, Nội-quan Mã Kỳ,
cấp trước cho hơn năm trăm thuyền,
vượt bể rồi mà vẫn hồn xiêu, vía lạc.
Bọn Tổng-binh Vương Thông,
Tham-chính Mã Ánh, về nước rồi mà còn lòng khiếp người run!
Nó đã tham sống, sợ chết, mà thực bụng giảng hòa.
Ta lấy toàn quân là hơn, để cho dân nghỉ sức.
Chẳng những mưu-kế thực sâu-xa tột bậc!
Mà cũng xưa nay chưa nghe thấy bao giờ!

Non sông rày đã khác xưa!
Xã-tắc từ đây yên vững!
Ánh Ác, Thỏ tội rồi lại sáng!
Lễ Kiền-khôn cùng mãi phải thông!
Để gây-dựng nền thái-bình cho muôn đời!
Để gội-rửa nhục vô-cùng cho cả nước!
Cũng là nhờ Trời, Đất, Tổ-tông linh-thiên,
đã ngấm-ngâm phù-hộ mà được như thế này!
Than ôi!
Mảng giáp dẹp yên hết cả,
gây được nên công-nghiệp phi thường.
Bốn phương phẳng-lặng từ nay,
bảo cho biết cuộc đời đổi mới.
Bá cáo thiên-hạ,
Đâu đấy đều hay!

5. Bản Hán văn Unicode (LVĐ)
平吳大告文 BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO Văn
戊申 Mậu Thân
黎鷹 Lê Trãi

代天行化皇上若曰。
蓋聞：
仁義之舉，要在安民，
弔伐之師莫先去暴。
惟，我大越之國，
實為文獻之邦。
山川之封域既殊，
南北之風俗亦異。
自趙丁李陳之肇造我國，
與漢唐宋元而各帝一方。
雖強弱時有不同
而豪傑世未常乏。
故劉龔貪功以取敗，
而趙好大以促亡。
唆都既擒於鹹子關，
烏馬又殪於白藤海。
稽諸往古，

厥有明徵。
頃因胡政之煩。
至使人心之怨叛。
狂明伺隙，因以毒我民；
惡黨懷奸，竟以賣我國。
燠蒼生於虐焰，
陷赤子於禍坑。
欺天罔民，詭計蓋千萬狀；
連兵結釁，稔惡殆二十年。
敗義傷仁，乾坤幾乎欲息；
重科厚斂，山澤靡有孑遺。
開金場塞冒嵐瘴而斧山淘沙，
採明珠則觸蛟龍而縊腰余海。
擾民設玄鹿之陷阱，
殄物織翠禽之網羅。
昆虫草木皆不得以遂其生，
鰥寡顛連俱不獲以安其所。
浚生靈之血以潤桀黠之吻牙；
極土木之功以崇公私之靡宇。
州里之征徭重困，
閭閻之杼柚皆空。
決東海之水不足以濯其污，
罄南山之竹不足以書其惡。
神民之所共憤，
天地之所不容。
予
奮跡藍山，
棲身荒野。
念世讎豈可共戴，
誓逆賊難與俱生。
痛心疾首者垂十餘年，
嘗膽臥薪者蓋非一日。
發憤忘食，每研覃韜略之書，
即古驗今，細推究興亡之理。
圖回之志
寤寐不忘。
當義旗初起之時，
正賊勢方張之日。
奈以：
人才秋葉，
俊傑晨星。

奔走先後者既乏其人，
謀謨帷幄者又寡其助。
特以救民之念，每鬱鬱而欲東；
故於待賢之車，常汲汲已虛左。
然其
得人之效茫若望洋，
由己之誠甚於拯溺。
憤兇徒之未滅，
念國步之遭迍。
靈山之食盡兼旬，
瑰縣之眾無一旅。
蓋天欲困我以降厥任，
故與益勵志以濟于難。
揭竿為旗，氓隸之徒四集
投醪饗士，父子之兵一心。
以弱制彊，或攻人之不備；
以寡敵眾常設伏以出奇。
卒能，以大義而勝兇殘，
以至仁而易彊暴。
蒲藤之霆驅電掣，
茶麟之竹破灰飛。
士氣以之益增，
軍聲以之大振。
陳智山壽聞風而；褫魄，
李安方政假息以偷生。
乘勝長驅，西京既為我有；
選兵進取，東都盡復舊疆。
寧橋之血成川，流腥萬里；
宰洞之屍積野，遺臭千年。
陳洽賊之腹心，既梟其首；
李亮賊之奸蠹，又暴厥屍。
王通理亂而焚者益焚，
馬瑛救鬥而怒者益怒。
彼智窮而力盡，束手待亡；
我謀伐而心攻，不戰自屈。
謂彼必易心而改慮，
豈意復作孽以速辜。
執一己之見以嫁禍於他人，
貪一時之功以貽笑於天下。
遂靈宣德之狡童，黷兵無厭；
仍命晟昇之懦將，以油救焚。

丁未九月柳昇遂引兵猶邱溫而進，
本年十月沐晟又分途自雲南而來。
予前既選兵塞險以摧其鋒，
予後再調兵截路以斷其食。
本月十八日柳昇為我軍所攻，
計墜於支稜之野；
本月二十日柳昇又為我軍所敗，
身死於馬鞍之山。
二十五日保定伯梁銘陣陷而喪軀，
二十八日尚書李慶計窮而刎首。
我遂迎刃而解，
彼自倒戈相攻。
繼而四面添兵以包圍，
期以十月中旬而殄滅。
爰選貔貅之士，
申命爪牙之臣。
飲象而河水乾，
磨刀而山石缺。
一鼓而黥剗鱷斷，
再鼓而鳥散麋驚。
決潰蟻於崩堤，
振剛風於稿葉。
都督崔聚膝行而送款，
尚書黃福面縛以就擒。
僵屍塞諒江諒山之途，
戰血赤昌江平灘之水。
風雲為之變色，
日月慘以無光。
其雲南兵為我軍所扼於梨花，
自恫疑虛喝而先以破膽；
其沐晟眾聞柳昇為我軍所敗於芹站，
遂躡藉奔潰而僅得脫身。
冷溝之血杵漂，江水為之嗚咽；
丹舍之屍山積，野草為之殷紅。
兩路救兵既不旋踵而俱敗，
各城窮寇亦將解甲以出降。
賊首成擒，彼既掉餓虎乞憐之尾；
神武不殺，予亦體上帝孝生之心。
參將方政，內官馬騏，
先給艦五百餘艘，
既渡海而猶且魂飛魄散；

總兵王通，參政馬瑛，
又給馬數千餘匹，
已還國而益自股慄心驚。
彼既畏死貪生，而修好有誠；
予以全軍為上，而欲民之得息。
非惟謀計之極其深遠，
蓋亦古今之所未見聞。
社稷以之奠安，
山川以之改觀。
乾坤既否而復泰，
日月既晦而復明。
于以開萬世太平之基，
于以雪天地無窮之恥。
是由天地祖宗之靈有
以默相陰佑而致然也！
於戲！一戎大定，迄成無兢之功；
四海永清，誕布維新之誥。
播告遐邇，咸使聞知。
黎廌

6. Nguyên Bản Phúc Khê

Bản do ĐANG THẾ KIẾT chép từ Thư Viện Quốc Gia Paris (BNP)

而從平原君寧戚叩角而感悟桓公何曾以小節自拘
哉詔出之日凡在具僚各盡乃職哀請薦拔至于閭閻
側陋之士亦勿以銜玉求售為耻而使朕有乏才之嘆焉

平吳大誥文 戊申

代天行化皇上若曰仁義之舉務在安民帛代之師
必先去暴惟我大越之國實為文獻之邦山川之封域既殊
南北之風俗亦異粵趙丁李陳之肇造我國與漢唐宋
元而各帝一方雖彊弱相或不同而豪傑世未嘗乏故

平吳大誥文 戊申

九 富義民反

劉龔貪功而取敗趙高好大而趣亡陵都既於鹹子
關烏馬又殪於白藤海誓諸往古厥有明徵項因胡政
之煩苛致使人心之怨叛狂明伺隙因以毒我民偽党
懷奸竟以賣我國燉蒼生於虐焰陷赤子於禍坑欺天罔
民詭計蓋千萬狀連兵結繫稔惡殆二十年欺義傷仁
乾坤幾乎欲息重科厚歛山澤靡有子遺開金場則冒
嵐障而斧山陶沙採明珠則觸蛟龍而絙腰余海擾民
設玄鹿之陷阱殄物纖翠禽之網羅昆虫草木皆不得

平吳大誥文 戊申

九 富義民反

以遂其生鰥寡顛連俱不獲以安其所浚生靈之血以潤
桀黠之吻牙極土木之功以崇公私之靡宇州里之征徭重
困閭閻之杼柚皆空決東海之波不足以濯其污罄南山
之竹不足以書其惡神人之所共憤天地之所不容予奮迹
藍山棲身荒野念世營豈可共戴誓逆賊難與俱生痛
心疾首者垂十餘年嘗膽卧薪者蓋非一日發憤忘食每研
談韜畧之書即古驗今細推究興亡之理圖回之志寤寐
不忘當義兵初起之期正賊勢方張之日奈以人才秋

平吳大誥文 戊申

十 富義民反

葉俊禁晨星奔走後先者既乏其人謀謨帷幄者又寡
其助特以救民之念每鬱鬱而欲東故於待賢之車常
汲汲而虛左然其得人之效茫若望洋由已之心甚於掣溺
憤凶徒之未殄念國步之猶屯靈山之食盡兼旬瑰縣之
眾無一旅蓋天歎困我以降厥任故予益勵志以濟于艱
揭竿為旗氓隸之徒四集投膠饒士父子之兵一心以弱
制彊或攻人之不備以寡敵眾常設伏以出奇卒能以天
義而勝凶殘以至仁而易彊暴蒲滕之雷驅電掣茶麟之

平吳大誥文 戊申

九 富義民反

竹破灰飛士氣以之益增軍聲以之大振陳賀山壽之
徒聞風而褫魄方政李安之革端息以偷生乘勝長
驅西京既為我有選鋒進取東都盡復舊疆寧橋之
血成川流腥萬里宰洞之屍滿野遺具千年陳冷賊
之腹心既梟其首李亮賊之奸蠹又殄厥身王通理
亂而焚者益焚馬駉救關而怒者益怒彼志窮而力
盡束手待亡我謀伐而心攻不戰自屈謂彼必敗心而易
慮豈意復作孽以速辜執一己之見以嫁禍於他人貪一

相之功而貽笑於天下遂使宣德之校童黷兵無厭爰命
柳昇之懦將以油救焚丁未九月柳昇引兵由溫卬而進
本年十月沐晟亦分達自雲南而來予既選伏兵塞險
以摧其鋒後又調奇兵絕路以斷其食十八日柳昇既
為我所攻計墜於支菱之野二十日柳昇又為我所敗
身死於馬鞍之山二十五日保定梁銘陣陷而喪軀二
十八日尚書李慶計窮而刎頸我自迦刃而解彼即倒
戈相攻繼而四面添兵以包圍期以十月中旬而殄滅

爰選繼緒之士申命公牙之臣象欽而江河乾刀磨而
石山缺一鼓而鯨割繼斷再鼓而鳥散廣驚決潰蟻
於崩堤振剛風於枯葉都督崔聚膝行而送款尚書
黃福面縛而就擒僵屍塞於涼山諒江之途濺血赤
於昌江平灘之水風雲為之。變色日月慘以無光
其雲南兵為我軍所扼於犁花自恫疑○嗑喝而先以
破膽其沐晟衆為我軍所敗於芹站遂躡藉奔潰而僅
得脫身冷滿之血杵流江水為之嗚咽丹舍之屍山赤

野草為之殷紅兩路救兵既不旋踵而俱敗各城窮寇
率相解甲以出降賊首成拚彼既掉殘卒乞憐之尾
神武不殺我亦體上帝好生之心參政方政內官馬騏
等先給船五百艘既渡海而猶且魂驚魄散總兵王
通參政馬騏等又給馬數千匹已還國而益自股慄
心驚彼既畏死貪生而修好有誠余以全軍為上而
與民得息非惟謀計之極其深遠抑亦古今之所未
見聞社稷以之奠安山川以之改觀乾坤既否而復

泰日月既晦而復明于以開萬世太平之基于以雪千古無窮之耻盖由天地祖宗之靈有以陰相默佑而致然也於戲一戎大定迄成無競之功四海永清誕播維新之誥播告天下咸使聞知

謝詔赦交趾表

戊申

安南國大頭目 臣黎某并耆老 人黎文靈阮鴈等誠惶誠恐謹上言宣德三年三月初八日復觀詔書大赦交趾及諭 臣自今宜安民保境朝貢仍遵洪武舊例謹

文

十三

三月乙亥

具表稱謝者伏以雲行雨施濡聖化於九天鳳翥鸞翔布寵光於遐裔歡騰嶺海喜溢臣民恭惟

才

一 睿哲聰明聖神文武興滅繼絕祇紹述於祖宗罷兵息民用輯寧於莽夏大普乾坤之量廣覃雨露之恩 臣荒服之民置之不問赦 臣丘山之罪咸與維新敷文德而耆武功懷遠人而安中國是以保祚延長而永致太平之效也 臣棲身海嶠待命闕庭奉大國以敬天謹守一隅之地望紫宸而祝聖遙馳萬里之誠 臣等

Tài liệu do Giáo sư NGUYỄN CAO HÁCH (1918-2011) soạn



Tham Khảo

- [01] 抑齋遺集卷之三 文集 福溪原本 嗣德戊辰秋 1868. Bibliothèque Nationale Paris (BNP).
 Ức Trai Di Tập quyền chi tam, Văn Tập. Phúc Khê nguyên bản (trang 9a – 13a).
 Tự Đức Mậu Thìn thu 1868.
- [02] 抑齋遺集卷之三 文集 福溪原本 嗣德戊辰秋 1868. Thư Viện Vietnam, ký số R.674.
 Ức Trai Di Tập quyền chi tam, Văn Tập. Phúc Khê nguyên bản (trang 9a – 13a).
 Tự Đức Mậu Thìn thu 1868.
- [03] Giáo Trình HÁN NÔM (tập 2, tr 20-71). Phan Văn Các (chủ biên). NXB Giáo Dục, in tại Saigon 1985.
- [04] Ức Trai Di Tập, Bổ sung phần Văn Chương (trang 136-145). Bùi Văn Nguyên. NXB Mũi Cà Mau 1994.
- [05] 皇黎抑齋相公遺集 Hoàng Lê Ức Trai tướng công di tập.
 Nôm Foundation NLVNPF-0167. Thư Viện Quốc Gia, ký số R.2016.
- [06] 全越詩卷 Toàn Việt thi quyển. 翰林院承旨穎城伯臣黎貴惇奉編定
 Hàn lâm viện thừa chỉ Dĩnh Thành Bá Thần Lê Quý Đôn phụng chỉ biên định.
 Nôm Foundation NLVNPF-0077. Thư Viện Quốc Gia, ký số R.2199.
- [07] 抑齋集敘傳 Ức Trai Tập Tự Truyện. Nôm Foundation NLVNPF-0290.
 Thư Viện Quốc Gia, ký số R.5522.
- [08] Việt Nam Sử Lược. Trần Trọng Kim. [Quyển I/Phần III/Chương XIV] Sách Giáo Khoa Tân Việt.
- [09] Việt Nam Sử Lược. Trần Trọng Kim. Nguyễn Huy Hùng soạn bản điện tử.
 Lê Văn Đặng hiệu đính phần chữ Hán.
- [10] Nguyễn Trãi Bình Ngô Đại Cáo. “Bài Học Chữ Hán”. Lê Văn Đặng. Hải Biên 2000.
- [11] Nguyễn Trãi Bình Ngô Đại Cáo. Nguyễn Cao Hách (1918-2011)
- [12] Các bản dịch Quốc Ngữ: Bùi Kỳ (1888-1960), Trần Trọng Kim (1883–1953),
 Ngô Tất Tố (1894–1954), Nhưộng Tống (1904–1949), Bùi Văn Nguyên (1918-2003).
- [13] *Nhơn Danh và Địa Danh* trong Bình Ngô Đại Cáo của Lê Trãi.
 Lê Văn Đặng soạn. Hải Biên 2000.
- [14] 孫子兵法 (十三第) Lê Văn Đặng soạn bản Unicode.
- [15] “Hán Việt Tự Điển”. Thiều Chửu. Hanoi: Nhà in ĐUỐC TUỆ. 1942.
- [16] “Hán Việt Tự Điển Thiều Chửu”. Đặng Thế Kiệt khởi thảo bản điện tử.
 Lê Văn Đặng và Nguyễn Hữu Vinh phụ biên. Nguyễn Doãn Vượng phụ trách kỹ thuật.
- [17] “Hán Việt Từ Điển”. Đào Duy Anh. Minh Tân Paris. 1951.

[18] http://vi.wikisource.org/wiki/Bình_Ngô_Đại_Cáo

[19] <http://www.daovien.net/t1266-topic>.

[20] <http://www.worldwu.com/Article/news/Archaeological/201011/8386.html>.

[21] http://www.yasue.cc/suen_chi_bing_fat1.html

[22] Tểu – Blog.

Từ nhà kho Quán Ven Đường